

BẢN TIN

HÀNG RÀO KỸ THUẬT TRONG THƯƠNG MẠI

Số 02 tháng 3/2026

www.tbt.gov.vn



Thương mại bền vững không còn là khẩu hiệu



Điểm TBT Quốc gia
Số 8 Hoàng Quốc Việt, P. Nghĩa Đô, Tp. Hà Nội
Điện thoại: 02437911630
Email: thvn@mst.gov.vn, htqt@tcvn.gov.vn
Website: tbt.gov.vn

MỤC LỤC

Vấn đề hôm nay

3

Thương mại bền vững không còn là khẩu hiệu



Hàng rào kỹ thuật trong thương mại

6

Danh mục thông báo TBT đã tiếp nhận từ 11/3/2026 - 20/3/2026

8

Tin cảnh báo TBT số 02 tháng 3/2026

11

Danh mục Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật và văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến TBT mới ban hành

Quan ngại thương mại

14

Quan ngại thương mại đối với quy định bắt buộc áp dụng tiêu chuẩn quốc gia Indonesia đối với pin sơ cấp



Tranh chấp thương mại về TBT của WTO

17

Vụ kiện giữa Hồng Kông – Trung Quốc và Hoa Kỳ về Quy định dấu xuất xứ của Hoa Kỳ (Phần 8)



Thương mại bền vững không còn là khẩu hiệu

Trong nhiều năm, khi nhắc đến WTO, người ta thường nghĩ trước hết đến thuế quan, đàm phán hay những tranh chấp thương mại giữa các nền kinh tế lớn. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, thương mại đang được đặt trong một cách nhìn rộng hơn. Khi tăng trưởng toàn cầu chậm lại, biến động địa chính trị kéo dài, áp lực chuyển đổi số gia tăng và các mục tiêu phát triển bền vững vẫn còn ở khá xa, thương mại không thể chỉ được nhìn như dòng chảy của hàng hóa qua biên giới, mà ngày càng trở thành một phần của bài toán phát triển.

Đó cũng là tinh thần nổi bật trong cập nhật năm 2025 của WTO gửi tới Diễn đàn Chính trị cấp cao của Liên hợp quốc về phát triển bền vững. Điều đáng chú ý không nằm ở việc WTO tổng kết các hoạt động đã thực hiện, mà ở cách tổ chức này tái định vị vai trò của thương mại trong bối cảnh mới: thương mại phải góp phần giải quyết những vấn đề rất thiết thực như tiếp cận thuốc men, cơ hội kinh tế cho phụ nữ, thúc đẩy việc làm, bảo vệ đại dương và tăng cường năng lực hợp tác toàn cầu.

Từ góc độ này, thương mại không còn là câu chuyện mang tính kỹ thuật hay chỉ gắn với các hiệp định cấp cao. Thương mại hiện diện trong những vấn đề cụ thể: một quốc gia có thể tiếp cận công nghệ y tế kịp thời hay không; doanh nghiệp nhỏ do phụ nữ làm chủ có thể tham gia thị trường số hay không; hay một nền kinh tế ven biển có thể xuất khẩu các sản phẩm gắn với tăng trưởng xanh trong khi vẫn đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, môi trường và truy xuất nguồn gốc ngày càng khắt khe của thị trường quốc tế.

Đối với cộng đồng làm công tác tiêu chuẩn, quy chuẩn và hàng rào kỹ thuật trong thương mại, thông điệp này đặc biệt đáng lưu ý. Trên thực tế, khả năng tiếp cận thị trường không chỉ phụ thuộc vào giá thành hay năng lực sản xuất, mà còn gắn chặt với mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, tính minh bạch của quy định, mức độ hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế và khả năng chứng minh sự phù hợp. Những yếu tố này đang ngày càng trở thành “hạ tầng mềm” của phát triển bền vững.

Khi thương mại gắn với sức khỏe, vấn đề không chỉ nằm ở việc lưu thông thuốc hay thiết bị y tế, mà còn ở việc xây dựng hệ thống quy định vừa thúc đẩy đổi mới sáng tạo, vừa bảo đảm khả năng tiếp cận của người dân đối với các sản phẩm thiết yếu. Khi thương mại gắn với bình đẳng giới, trọng tâm không chỉ là mở rộng cơ hội xuất khẩu, mà còn là tháo gỡ các rào cản mang tính cấu trúc khiến phụ nữ khó tiếp cận tài chính, công nghệ và mạng lưới kinh doanh. Tương tự, khi thương mại gắn với tăng trưởng xanh và bảo vệ đại dương, yêu



cầu đặt ra là xây dựng các quy định kỹ thuật và cơ chế minh bạch nhằm khuyến khích sản xuất có trách nhiệm và phát triển bền vững.

Một điểm đáng chú ý là cách WTO tiếp cận các hiệp định và cơ chế kỹ thuật không như những khuôn khổ cứng nhắc, mà như các công cụ hỗ trợ quản trị hiện đại. Cách tiếp cận này tương đồng với thực tiễn của hệ thống TBT. Trên thực tế, quy chuẩn kỹ thuật và thủ tục đánh giá sự phù hợp không chỉ là rào cản hay thủ tục hành chính; nếu được xây dựng minh bạch, dựa trên cơ sở khoa học, chúng có thể tạo dựng niềm tin thị trường, bảo vệ người tiêu dùng và đồng thời thúc đẩy các mô hình sản xuất bền vững.



Ảnh: Các mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp Quốc

Câu chuyện càng rõ hơn trong các ngành gắn với môi trường và biển. Khi yêu cầu của thị trường ngày càng xoay quanh tính bền vững, phát thải thấp, bảo tồn tài nguyên và trách nhiệm trong chuỗi cung ứng, thì doanh nghiệp không chỉ cần sản phẩm tốt mà còn cần khả năng đáp ứng các chuẩn mực đang thay đổi rất nhanh. Điều đó đồng nghĩa với việc hệ thống tiêu chuẩn, đo lường, đánh giá sự phù hợp và minh bạch hóa biện pháp kỹ thuật sẽ giữ vai trò ngày càng quan trọng trong năng lực cạnh tranh quốc gia.

Ở một khía cạnh khác, báo cáo của WTO cũng cho thấy thương mại đang bước vào giai đoạn mà các vấn đề mới như trí tuệ nhân tạo, thương mại số và khoảng cách về năng lực số giữa các nền kinh tế không thể bị tách rời khỏi nghị trình phát triển. Nếu không có chính sách phù hợp, công nghệ có thể tạo thêm khoảng cách thay vì mở rộng cơ hội. Ngược lại, nếu được hỗ trợ bằng thể chế phù hợp, đầu tư vào kỹ năng, hạ tầng và hợp tác quốc tế, các xu hướng mới này cũng có thể trở thành động lực để các nền kinh tế đang phát triển tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Điều đọng lại sau cùng là một thực tế khá rõ ràng: thương mại ngày nay không còn được đánh giá chỉ bằng quy mô kim ngạch. Giá trị của thương mại nằm ở việc nó có giúp nâng cao chất lượng cuộc sống, tạo việc làm tốt hơn, khuyến khích đổi mới, tăng tính chống chịu và hỗ trợ các mục tiêu phát triển dài hạn hay không. Trong logic đó, minh bạch, tiêu chuẩn quốc tế, hợp tác quản lý và các nguyên tắc của hệ thống thương mại đa biên không phải là phần việc bên lề, mà chính là nền móng để thương mại phát huy vai trò tích cực hơn trong giai đoạn tới.

Đối với Việt Nam, đây cũng là một gợi mở quan trọng. Khi yêu cầu của thị trường toàn cầu ngày càng gắn với phát triển bền vững, năng lực về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đánh giá sự phù hợp và thực thi các cam kết TBT sẽ không chỉ phục vụ hội nhập theo nghĩa truyền thống, mà còn trở thành công cụ để nâng cao chất lượng tăng trưởng, hỗ trợ doanh nghiệp thích ứng và khẳng định vị thế trong những chuỗi giá trị có giá trị gia tăng cao hơn.



DANH MỤC CÁC THÔNG BÁO NHẬN ĐƯỢC

TỪ 11/3/2026 – 20/3/2026

Nước thông báo	Số lượng TB	Vấn đề thông báo
Brazil	5	Điều hòa nhiệt độ, Tủ lạnh, Khí thiên nhiên, Giày dép,
Burundi	2	Phụ gia thực phẩm
Canada	3	Hóa chất, Viên thông, Thuốc
Chile	1	Lò hơi
Trung Quốc	29	Hàng hóa nguy hiểm, Thuốc lá, Pin, Bình áp suất, Hệ thống báo cháy tự động, Sản phẩm phi kim, Pin lithium, Hóa chất, Hệ thống lái xe tự động, Thiết bị gia dụng, Xe cơ giới, Thang máy
Đài Loan	6	Đèn Led, Đồ dùng cho trẻ em, Sản phẩm có chứa thủy ngân
Costa Rica	2	Đồ điện gia dụng
Ecuador	1	Vòi nước
Liên minh Châu Âu	1	Chất xử lý gỗ
Ấn Độ	2	Viên thông, Nhãn cho sản phẩm dệt thủ công
Indonesia	1	Cá và sản phẩm từ cá
Nhật Bản	4	Thiết bị vô tuyến
Kenya	16	Hệ thống cấp điện, Phụ gia thực phẩm, Sơn, Trà
Cộng hòa Moldova	2	Bia, Đồ uống lên men
Myanmar	2	Thực phẩm bao gói sẵn
Rwanda	3	Thang máy, Phụ gia thực phẩm
Vương quốc Ả Rập Xê Út	2	Tiết kiệm năng lượng, Máy giặt
Senegal	1	Ắc quy chì-axit
Tanzania	28	Phụ gia thực phẩm, Thịt và sản phẩm từ thịt, Phô mai, Mỹ phẩm, Sản phẩm dệt may, Thớt nhựa, Tinh dầu, Bánh kẹo
Uganda	2	Phụ gia thực phẩm
Ukraine	1	Phụ gia thực phẩm



Nước thông báo	Số lượng TB	Vấn đề thông báo
Hoa Kỳ	8	Hệ thống lái xe tự động, Phát thải khí, Khí thải xe, Giường trẻ em, Đèn chiếu sáng mặt trời



TIN CẢNH BÁO 11/3/2026 – 20/3/2026

Trung Quốc dự thảo tiêu chuẩn quốc gia về phân hạng kỹ thuật đối với thuốc lá Oriental



Ngày 16/03/2026, Trung Quốc đã thông báo tới các Thành viên WTO về Dự thảo Tiêu chuẩn quốc gia của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa – Thuốc lá Oriental: Yêu cầu kỹ thuật phân hạng, theo Thông báo G/TBT/N/CHN/2210.

Cơ quan chủ trì ban hành là Tổng cục Quản lý Thị trường Nhà nước Trung Quốc (SAMR)/Cơ quan Tiêu chuẩn hóa Trung Quốc. Biện pháp áp dụng đối với Thuốc lá Oriental (thuốc lá phương Đông), có mã HS 240120/ICS: 65.160.

Dự thảo tiêu chuẩn quy định toàn diện các yêu cầu kỹ thuật đối với việc phân hạng thuốc lá Oriental, bao gồm:

(1) Quy định về thuật ngữ, phân loại và nhóm sản phẩm: Xác định các khái niệm và tiêu chí phân loại thuốc lá Oriental; Phân nhóm sản phẩm phục vụ mục đích quản lý và thương mại.

(2) Yêu cầu kỹ thuật trong phân hạng: Đưa ra các tiêu chí kỹ thuật để đánh giá và phân hạng chất lượng; Làm cơ sở cho hoạt động mua bán và định giá sản phẩm.

(3) Quy định về thu mua và bàn giao sản phẩm: Xác định yêu cầu trong quá trình giao nhận, thu mua thuốc lá sau khi sấy; Đảm bảo tính nhất quán về chất lượng trong chuỗi cung ứng.

(4) Mẫu chuẩn và phương pháp kiểm tra: Quy định về mẫu chuẩn dùng để đối chiếu; Phương pháp kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm.

Tiêu chuẩn áp dụng cho thuốc lá sau khi sấy và trong quá trình chế biến.

Biện pháp được đưa ra nhằm thiết lập yêu cầu chất lượng thống nhất đối với thuốc lá Oriental; nâng cao hiệu quả quản lý và giao dịch thương mại; đảm bảo tính minh bạch và nhất quán trong đánh giá chất lượng sản phẩm.

Hiện Trung Quốc chưa xác định ngày thông qua và ngày có hiệu lực, và sẽ tiếp nhận góp ý đến ngày 15/05/2026 (60 ngày kể từ ngày thông báo)

Thông tin về dự thảo Dự thảo (9 trang, tiếng Trung):

https://members.wto.org/crnattachments/2026/TBT/CHN/26_01470_00_x.pdf

Mã thông báo: G/TBT/N/CHN/2210

Đài Loan sửa đổi quy định hạn chế nhập khẩu các sản phẩm có chứa thủy ngân



Ngày 20/03/2026, Đài Loan đã thông báo tới các Thành viên WTO về Dự thảo sửa đổi "Quy định hạn chế nhập khẩu các sản phẩm có chứa thủy ngân", theo mã thông báo G/TBT/N/TPKM/588

Cơ quan chủ trì ban hành dự thảo này là Bộ Môi trường Đài Loan. Biện pháp áp dụng đối với nhiều nhóm sản phẩm có chứa thủy ngân, bao gồm: Công tắc, rơ-le; Đèn thủy ngân cao áp; Đèn huỳnh quang (compact, tuyến tính và phi tuyến); Đèn huỳnh quang dùng trong màn hình điện tử; Thiết bị đo (điện tử và không điện tử) như nhiệt kế, huyết áp kế, áp kế; Bơm chân không sử dụng thủy ngân; Phim và giấy ảnh; Thiết bị cân bằng lốp và chì cân bánh xe; Một số thiết bị, vật liệu đặc thù khác (bao gồm cả ứng dụng hàng không – vũ trụ).

Dự thảo sửa đổi nhằm tăng cường kiểm soát đối với các sản phẩm chứa thủy ngân, với các nội dung chính:

(1) Mở rộng phạm vi cấm nhập khẩu: bổ sung thêm các sản phẩm có chứa thủy ngân vào danh mục bị cấm nhập khẩu, bao gồm cả một số thiết bị đo điện tử và không điện tử.

(2) Tăng cường quản lý hóa chất nguy hại thông qua cập nhật quy định nhằm kiểm soát tốt hơn việc sử dụng và lưu thông thủy ngân trong nước và đồng bộ với chính sách quản lý chất thải và hóa chất nguy hại.

(3) Hòa hợp với điều ước quốc tế: phù hợp với Công ước Minamata của Liên Hợp Quốc về thủy ngân, nhằm giảm thiểu phát thải và sử dụng thủy ngân trên toàn cầu.

Biện pháp hướng tới các mục tiêu gồm bảo vệ sức khỏe và an toàn con người, bảo vệ môi trường, tăng cường kiểm soát các chất độc hại theo cam kết quốc tế.

Đài Loan chưa xác định thời gian dự kiến thông qua và ngày có hiệu lực của biện pháp. Thời hạn tiếp nhận góp ý từ các nước Thành viên WTO là ngày 19/05/2026 (60 ngày kể từ ngày thông báo) thông qua Cục Tiêu chuẩn, Đo lường và Giám định (BSMI), địa chỉ email: tbtenq@bsmi.gov.tw

Thông tin chi tiết về dự thảo:

Dự thảo (tiếng Trung):

https://members.wto.org/crnattachments/2026/TBT/TPKM/26_01585_00_x.pdf

Dự thảo (tiếng Anh):

https://members.wto.org/crnattachments/2026/TBT/TPKM/26_01585_00_e.pdf

Mã thông báo: G/TBT/N/TPKM/588

Trung Quốc ban hành tiêu chuẩn quốc gia về kiểm tra tính chất nguy hiểm của chất lỏng dễ cháy



Ngày 16/03/2026, Trung Quốc đã thông báo tới các Thành viên WTO về Dự thảo Tiêu chuẩn quốc gia – Quy tắc kiểm tra tính chất nguy hiểm đối với hàng hóa nguy hiểm là chất lỏng dễ cháy, theo Thông báo G/TBT/N/CHN/2217.

Cơ quan chủ trì ban hành là Tổng cục Quản lý Thị trường Nhà nước Trung Quốc (SAMR)/Cơ quan Tiêu chuẩn hóa Trung Quốc.

Biện pháp này áp dụng đối với hàng hóa nguy hiểm là chất lỏng dễ cháy – HS 360690 (ICS: 13.300)

Dự thảo tiêu chuẩn quy định các yêu cầu kỹ thuật phục vụ kiểm tra tính chất nguy hiểm của hàng hóa, bao gồm:

(1) Thuật ngữ và định nghĩa: Xác định các khái niệm liên quan đến chất lỏng dễ cháy và tính chất nguy hiểm.

(2) Yêu cầu kỹ thuật: Đưa ra các tiêu chí đánh giá đặc tính nguy hiểm của sản phẩm; Làm cơ sở cho việc phân loại và quản lý hàng hóa nguy hiểm.

(3) Phương pháp thử và quy tắc kiểm tra: Quy định các phương pháp thử nghiệm; Thiết lập quy trình kiểm tra và đánh giá phù hợp.

Tiêu chuẩn áp dụng cho hoạt động kiểm tra tính chất nguy hiểm của hàng hóa thuộc nhóm chất lỏng dễ cháy.

Biện pháp hướng tới bảo vệ sức khỏe và an toàn con người, ngăn ngừa các hành vi gây hiểu nhầm cho người tiêu dùng và tăng cường kiểm soát và quản lý đối với hàng hóa nguy hiểm.

Trung Quốc chưa xác định ngày thông qua và dự kiến biện pháp sẽ có hiệu lực sau 3 tháng kể từ ngày thông qua. Thời hạn góp ý là ngày 15/05/2026 (60 ngày kể từ ngày thông báo) thông qua Điểm TBT Trung Quốc tại email: tbt@customs.gov.cn

Thông tin chi tiết của dự thảo:

Dự thảo (5 trang, tiếng Trung):

https://members.wto.org/crnattachments/2026/TBT/CHN/26_01478_00_x.pdf

Mã thông báo: G/TBT/N/CHN/2217

DANH MỤC TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN TBT MỚI BAN HÀNH

STT	Loại văn bản/số hiệu	Trích yếu nội dung	Ngày ban hành	Nội dung chi tiết
1	Số: 21/CD- -TTg	Công điện 21/CD-TTg năm 2026 điều hành sản xuất và tiêu thụ lúa gạo trong tình hình mới do Thủ tướng Chính phủ điện	11/3/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/The-thao-Y-te/Quyet-dinh-130-QD-QLD-2025-cong-bo-Danh-muc-thuoc-biet-duoc-goc-Dot-2-648431.aspx
2	Số: 22/CD- TTg	Công điện 22/CD-TTg năm 2026 tăng cường giải pháp bảo đảm cung ứng xăng dầu cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của người dân, doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ điện	11/03/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Cong-dien-22-CD-TTg-2026-tang-cuong-giai-phap-cung-ung-xang-dau-san-xuat-kinh-doanh-697457.aspx
3	Văn bản hợp nhất 12/VBHN- BCT	Văn bản hợp nhất 12/VBHN-BCT năm 2026 hợp nhất Thông tư quy định nhập khẩu thuốc lá điếu, xì gà do Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành	11/3/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Xuat-nhap-khau/Quyet-dinh-845-QD-BCT-2025-cong-bo-thu-tuc-hanh-chinh-san-xuat-lap-rap-phuong-

				tien-van-tai-co-dong-co-649062.aspx
4	Văn bản hợp nhất 15/VBHN-BCT	Văn bản hợp nhất 15/VBHN-BCT năm 2026 hợp nhất Thông tư về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kỹ thuật điện do Bộ Công Thương ban hành	11/3/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Linh-vuc-khac/Van-ban-hop-nhat-15-VBHN-BCT-2026-Thong-tu-Quy-chuan-ky-thuat-quoc-gia-ve-ky-thuat-dien-698161.aspx
5	Số: 440/QĐ-BTC	Quyết định 440/QĐ-BTC năm 2026 công bố thủ tục hành chính nội bộ mới và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Quản lý nợ và Kinh tế đối ngoại thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính	Cập nhật 11/03/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Quyet-dinh-440-QD-BTC-2026-cong-bo-thu-tuc-hanh-chinh-linh-vuc-quan-ly-no-va-kinh-te-doi-ngoai-697311.aspx
6	Quyết định 458/QĐ-BCT năm 2026	Quyết định 458/QĐ-BCT năm 2026 về Kế hoạch hành động của Bộ Công Thương thực hiện Chiến lược phát triển dịch vụ logistics Việt Nam thời kỳ 2025-2035, tầm nhìn đến 2050	13/03/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Quyet-dinh-458-QD-BCT-2026-Ke-hoach-hanh-dong-thuc-hien-Chien-luoc-phat-trien-dich-vu-logistics-698117.aspx
7	Văn bản hợp nhất	Văn bản hợp nhất 13/VBHN-BCT năm 2026 hợp nhất Thông tư	13/3/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-



	13/VBHN-BCT	quy định định mức sử dụng năng lượng trong ngành công nghiệp sản xuất nhựa do Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành		ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Van-ban-hop-nhat-13-VBHN-BCT-2026-Thong-tu-dinh-muc-su-dung-nang-luong-nganh-cong-nghiep-san-xuat-nhua-698164.aspx
8	Số: 23/CD-TTg	Công điện 23/CD-TTg về nhiệm vụ, giải pháp để tiếp tục thúc đẩy xuất khẩu năm 2026 do Thủ tướng Chính phủ điện	16/03/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Quyet-dinh-440-QD-BTC-2026-cong-bo-thu-tuc-hanh-chinh-linh-vuc-quan-ly-no-va-kinh-te-doi-ngoai-697311.aspx



Quan ngại thương mại đối với quy định bắt buộc áp dụng tiêu chuẩn quốc gia Indonesia đối với pin sơ cấp

Tại phiên họp của Ủy ban Hàng rào Kỹ thuật trong Thương mại (TBT) của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vào tháng 6 năm 2025, Hàn Quốc đã nêu Quan ngại thương mại cụ thể (Specific Trade Concern – STC) đối với Dự thảo Nghị định của Bộ Công nghiệp Indonesia về áp dụng bắt buộc Tiêu chuẩn quốc gia Indonesia (SNI) đối với pin sơ cấp, được thông báo theo mã G/TBT/N/IDN/21/Add.1.

Biện pháp này quy định việc áp dụng bắt buộc các tiêu chuẩn: SNI 04-2051.1-2004 (Phần 1: Quy định chung) và SNI 04-2051.2-2004 (Phần 2: Yêu cầu điện và vật lý),

đối với các sản phẩm pin sơ cấp lưu thông trên thị trường Indonesia, nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và bảo đảm an toàn cho người tiêu dùng.

Hàn Quốc ghi nhận và ủng hộ mục tiêu chính sách của Indonesia, đồng thời khẳng định các doanh nghiệp Hàn Quốc cam kết tuân thủ quy định mới. Tuy nhiên, Hàn Quốc bày tỏ quan ngại về tính khả thi trong triển khai trên thực tế, đặc biệt liên quan đến quy trình chứng nhận SNI.

Theo Hàn Quốc, mặc dù quy định có hiệu lực từ ngày 20/5/2025, nhưng chỉ có một phòng thử nghiệm được chỉ định được công bố vào khoảng ngày 20/4/2025, tức là ngay sát thời điểm áp dụng. Trong khi đó, quy trình chứng nhận SNI, bao gồm thử nghiệm sản phẩm và đánh giá điều kiện sản xuất tại nhà máy, thường kéo dài trên 6 tháng.

Trong bối cảnh đó, Hàn Quốc đề nghị Indonesia xem xét gia hạn thời gian chuyển tiếp thêm 1 năm, nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp hoàn thành các thủ tục chứng nhận một cách hợp lý, tránh gây gián đoạn thương mại và bảo đảm tính dự đoán trong môi trường kinh doanh.

Indonesia ghi nhận các ý kiến của Hàn Quốc và cho biết quy định đã được ban hành tại Nghị định số 69/2024 của Bộ Công nghiệp ngày 13/11/2024, trong đó đã bao gồm các điều khoản chuyển tiếp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp thích ứng.



Các chứng nhận SNI được cấp theo quy định trước đây vẫn có hiệu lực và được phép chuyển đổi trong vòng tối đa 1 năm kể từ khi quy định mới có hiệu lực. Trong thời gian chuyển tiếp, sản phẩm vẫn được phép lưu thông và nhập khẩu, với điều kiện có thể chứng minh được sản xuất trước thời điểm quy định áp dụng đầy đủ. Việc sử dụng dấu SNI đối với pin sơ cấp vẫn được chấp nhận đối với hàng nhập khẩu đến ngày 20/5/2026; Trong giai đoạn chuyển tiếp, không yêu cầu doanh nghiệp phải có tài khoản SIINas.

Indonesia khẳng định tiếp tục phối hợp với các đối tác thương mại và các bên liên quan nhằm bảo đảm quá trình triển khai diễn ra thuận lợi.

Quan ngại thương mại này phản ánh một vấn đề phổ biến trong triển khai các biện pháp TBT, đó là sự không đồng bộ giữa quy định pháp lý và năng lực thực thi trên thực tế, đặc biệt liên quan đến hệ thống đánh giá sự phù hợp. Việc áp dụng tiêu chuẩn bắt buộc không chỉ phụ thuộc vào nội dung kỹ thuật của tiêu chuẩn mà còn phụ thuộc lớn vào: Năng lực phòng thử nghiệm và tổ chức chứng nhận; Thời gian xử lý hồ sơ và kiểm tra nhà máy; Khả năng tiếp cận hệ thống quản lý (như SIINas).

Nếu các yếu tố này chưa được chuẩn bị đầy đủ, doanh nghiệp có thể gặp khó khăn ngay cả khi sản phẩm về cơ bản đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.

Đối với Việt Nam, quy định này có thể ảnh hưởng trực tiếp đến các doanh nghiệp xuất khẩu: Pin sơ cấp (pin tiểu, pin kiềm, pin carbon...). Thiết bị điện – điện tử sử dụng pin sơ cấp như đồ gia dụng, thiết bị cầm tay, đồ chơi, thiết bị y tế đơn giản...

Tác động chủ yếu không nằm ở yêu cầu kỹ thuật (vốn tương đối quen thuộc với doanh nghiệp), mà nằm ở quy trình chứng nhận bắt buộc và năng lực tiếp cận hệ thống đánh giá sự phù hợp tại Indonesia.

Các doanh nghiệp Việt Nam có thể đối mặt với một số thách thức cụ thể:

(1) Áp lực về thời gian chứng nhận

Quy trình chứng nhận SNI có thể kéo dài nhiều tháng, trong khi số lượng phòng thử nghiệm được chỉ định còn hạn chế. Điều này có thể dẫn đến tình trạng quá tải, chậm xử lý hồ sơ, đặc biệt trong giai đoạn đầu áp dụng.

(2) Nguy cơ gián đoạn xuất khẩu

Nếu doanh nghiệp không kịp hoàn tất chứng nhận đúng thời hạn, hàng hóa có thể:



Bị trì hoãn thông quan; Không được phép lưu thông hoặc phát sinh chi phí lưu kho, tái xuất.

(3) Gia tăng chi phí tuân thủ: Doanh nghiệp phải chi trả thêm cho: Thử nghiệm sản phẩm theo tiêu chuẩn SNI; Đánh giá điều kiện sản xuất tại nhà máy và Thủ tục hành chính và quản lý hồ sơ.

(4) Phụ thuộc vào đối tác và chuỗi cung ứng

Đối với các doanh nghiệp xuất khẩu theo hình thức OEM/ODM hoặc cung ứng linh kiện, việc đáp ứng SNI có thể phụ thuộc vào nhiều bên trong chuỗi cung ứng, làm gia tăng độ phức tạp trong tuân thủ.

Trong bối cảnh Indonesia là thị trường quan trọng trong khu vực ASEAN, quy định này cho thấy xu hướng tăng cường áp dụng tiêu chuẩn quốc gia bắt buộc gắn với cơ chế chứng nhận nghiêm ngặt.

Do đó, doanh nghiệp Việt Nam cần: chủ động lập kế hoạch chứng nhận sớm, tránh dồn hồ sơ vào giai đoạn cao điểm; chuẩn bị đầy đủ hồ sơ kỹ thuật, kết quả thử nghiệm và tài liệu nhà máy và theo dõi sát các yêu cầu liên quan đến dấu SNI, SIINAs và quy định chuyển tiếp.



Vụ kiện giữa Hồng Kông – Trung Quốc và Hoa Kỳ về Quy định dấu xuất xứ của Hoa Kỳ (Phần 8) Thủ tục xử lý tranh chấp và báo cáo của Ban Hội thẩm

Trong phần 7.3.3.2.2.1, Ban Hội thẩm tập trung làm rõ một vấn đề cấu trúc then chốt của Điều XXI(b) GATT 1994: liệu phần chapeau (“which it considers necessary...”) có kéo dài bao trùm cả ba tiểu khoản, tạo thành một mệnh đề quan hệ thống nhất như Hoa Kỳ lập luận, hay mệnh đề quan hệ kết thúc ngay trong chapeau và các tiểu khoản tạo nên một đơn vị độc lập bổ nghĩa cho “action”, như Hong Kong, Trung Quốc và đa số bên thứ ba khẳng định. Đây là bước phân tích quan trọng vì quyết định cấu trúc sẽ chi phối toàn bộ phạm vi “tự quyết” mà Hoa Kỳ tuyên bố theo Điều XXI(b).

Trước hết, Ban Hội thẩm xem xét cách hiểu của Hoa Kỳ, theo đó toàn bộ điều khoản hình thành ba “mệnh đề quan hệ” lặp lại cấu trúc bắt đầu từ “which it considers” và kéo dài độc lập vào từng tiểu khoản. Hoa Kỳ cho rằng sự lặp lại này phản ánh ý định của các nhà soạn thảo rằng mệnh đề quan hệ trong chapeau bao trùm toàn bộ các tình huống liệt kê trong ba tiểu khoản. Ban Hội thẩm ghi nhận rằng đối với tiểu khoản (i) và (ii), lập luận này có một mức độ hợp lý về mặt ngữ pháp, vì từ “relating” có thể bổ nghĩa cho “interests”, khiến cụm “which it considers necessary for the protection of its essential security interests” có thể kéo dài xuống dưới.

Tuy nhiên, điểm then chốt là tiểu khoản (iii). Từ “taken” – theo chính lập luận của Hoa Kỳ – bắt buộc phải bổ nghĩa cho “action” chứ không thể bổ nghĩa cho “interests”. Điều này khiến cấu trúc “một mệnh đề quan hệ duy nhất” sụp đổ khi áp dụng cho tiểu khoản (iii). Ban Hội thẩm lưu ý rằng cách hiểu của Hoa Kỳ chỉ có thể vận hành nếu bỏ hẳn từ “taken”, điều không thể chấp nhận trong diễn giải điều ước. Từ đó, Ban Hội thẩm kết luận rằng mô hình

mà Hoa Kỳ đề xuất không thể bao trùm toàn bộ ba tiểu khoản, và do đó không thích hợp để mô tả cấu trúc của Điều XXI(b) nói chung.

Tiếp đó, Ban Hội thẩm xem xét cách hiểu đối lập của Hong Kong, Trung Quốc và các bên thứ ba, theo đó mệnh đề quan hệ kết thúc ngay trong chapeau. Mệnh đề này – với chủ ngữ, động từ và bổ ngữ đầy đủ – tạo thành một đơn vị trọn vẹn. Các tiểu khoản bên dưới về mặt thị giác cũng được trình bày dưới dạng danh sách tách biệt, thể hiện rõ ý định phân tách chapeau với ba tình huống cụ thể. Hoa Kỳ phản đối rằng không có “dấu hiệu ngôn ngữ” nào thể hiện sự kết thúc của mệnh đề quan hệ. Tuy nhiên, Ban Hội thẩm nhấn mạnh rằng trong diễn giải pháp lý, sự ngắt đoạn về mặt trình bày cũng là một tín hiệu cấu trúc, và không nhất thiết phải có ngôn ngữ bổ sung mới cho phép xác định ranh giới mệnh đề. Vì vậy, cách hiểu của Hong Kong, Trung Quốc vẫn có thể rút ra trực tiếp từ văn bản.

Một vấn đề tiếp theo là xác định từ “relating” trong hai tiểu khoản đầu bổ nghĩa cho “interests” hay cho “action”. Hoa Kỳ khẳng định “relating” bổ nghĩa cho “interests” dựa trên quy tắc ngữ pháp tiếng Anh rằng phân từ tính từ thường đứng ngay sau thuật ngữ mà nó bổ nghĩa. Tuy nhiên, Ban Hội thẩm lưu ý rằng quy tắc này không tuyệt đối, và chính các nhà soạn thảo đã bỏ qua nó trong tiểu khoản (iii), nơi từ “taken” chắc chắn phải bổ nghĩa cho “action”. Điều này cho thấy việc “không tuân thủ vị trí gần nhất” không phải là lỗi ngữ pháp, và do đó cũng không ngăn cản khả năng “relating” có thể bổ nghĩa cho “action”.

Sau khi cân nhắc toàn bộ lập luận của các bên, Ban Hội thẩm kết luận rằng cách hiểu do Hoa Kỳ đề xuất không bền vững về mặt ngữ pháp, vì không thể áp dụng nhất quán cho cả ba tiểu khoản. Ngược lại, cách hiểu rằng mệnh đề quan hệ kết thúc ngay trong chapeau vừa phù hợp ngữ pháp, vừa nhất quán với cấu trúc trình bày, và tránh được các bất hợp lý ngữ pháp mà Hoa Kỳ buộc phải giả định. Với cách hiểu này, cụm “which it considers” không thể kéo dài xuống các tiểu khoản, và vì vậy không còn là yếu tố có thể “phủ trùm” toàn bộ nội dung của tiểu khoản như Hoa Kỳ lập luận.

Tuy nhiên, Ban Hội thẩm cũng chỉ ra rằng ngay cả nếu giả định – theo hướng có lợi cho Hoa Kỳ – rằng toàn bộ Điều XXI(b) tạo thành một mệnh đề quan hệ duy nhất, thì điều này vẫn chưa đủ để kết luận rằng cụm “which it considers” áp dụng cho các tiểu khoản. Bởi ngay cả trong mô hình này, việc cụm đó bổ nghĩa cho yếu tố nào trong cấu trúc câu vẫn

phải được phân tích riêng biệt. Do đó, Ban Hội thẩm chuyển sang xem xét vấn đề cuối cùng: cụm “which it considers” thực sự bổ nghĩa cho từ nào trong toàn bộ điều khoản.

(còn tiếp)

